

**BẢNG THEO DÕI BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG THEO
QUYẾT ĐỊNH SỐ 766/QĐ-TTG**

Tuần 39 Tháng 9/2024

STT	Tên Cơ quan	Số hoá tái sử dụng lại	Công bố vào thứ 2 hàng tuần								
			Số hoá Hồ sơ (Chứng thực diện tử), tỷ lệ quy định từ 100%	Thanh toán trực tuyến, tỷ lệ quy định 50%	Chỉ tiêu dịch vụ công trực tuyến, tỷ lệ quy định 50%	Chỉ tiêu mức độ hài lòng tỷ lệ quy định 100%	Chỉ tiêu Tiến độ giải quyết, Tỷ lệ quy định 90- 100%	Chỉ tiêu Công khai minh bạch, tỷ lệ quy định 80%-90%	Chỉ tiêu Tổng hợp 30/9/2024	Tăng giảm so với tuần trước	Chỉ tiêu Tổng hợp 23/9//2024
	Xã, thị trấn		Nhóm V	Nhóm III	Nhóm III	Nhóm IV	Nhóm II	Nhóm I			
1	UBND TT Phú Hòa	250	88,40%	98,96%	96,80%	100%	100,00%	100%	91,29	0,34	90,95
2	UBND xã Thoại Giang	678	88,40%	96,52%	96,20%	100%	99,81%	100,0%	90,34	0,21	90,13
3	UBND xã Vĩnh Trạch	138	87,60%	100,00%	97,5%	100%	100,00%	100,0%	90,33	0,42	89,91
4	UBND xã Vĩnh Phú	241	86,40%	100,00%	91,40%	100%	100,00%	100,0%	90,06	8,31	81,75
5	UBND xã Vĩnh Khánh	8	82,20%	81,68%	80,0%	100%	100%	100%	89,85	-0,04	89,89
6	UBND xã Vĩnh Chánh	0	81,70%	93,62%	99,2%	100%	99,80%	100,0%	89,6	-0,05	89,65
7	UBND xã An Bình	116	83,30%	96,76%	97,6%	100%	99,80%	100%	89,24	0,3	88,94
8	UBND xã Vọng Thê	62	81,40%	99,43%	84,70%	98,9%	100,00%	100%	89,09	0,05	89,04
9	UBND xã Bình Thành	151	82,20%	99,28%	86,50%	100%	98,00%	100%	88,88	-0,17	89,05
10	UBND xã Mỹ Phú Đông	0	81,50%	98,06%	98,60%	100%	100,00%	100%	88,79	0,03	88,76
11	UBND xã Tây Phú	8	82,00%	90,59%	97,00%	100%	97,11%	100%	88,37	0,02	88,35
12	UBND TT Ốc Eo	0	81,90%	96,34%	85,60%	100%	99,45%	100%	88,31	-0,04	88,35
13	UBND TT Núi Sập	1	81,40%	86,44%	97,8%	100%	97,87%	100,0%	88,19	1,47	86,72
14	UBND xã Định Thành	0	81,40%	86,16%	90,00%	100%	100,00%	100,0%	87,83	0,23	87,6
15	UBND xã Định Mỹ	0	75,90%	98,09%	85,40%	100%	100%	100,0%	87,55	-0,67	88,22
16	UBND xã Vọng Đông	35	82,20%	80,70%	95,20%	99,6%	89,04%	100%	86,95	-2,45	89,4
17	UBND xã Phú Thuận	0	81,50%	96,71%	98,60%	100%	100,00%	79,10%	85,11	-0,43	85,54
Toàn huyện đạt		1.438	80,70%	76,20%	87,20%	99,4%	90,00%	100	87,24	0,52	86,72
Tăng giảm so với Tuần trước		493	0,7	3,5	-2,5	0,4	0,87	0	0,52		